

# ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO THỜI MẠC

NGUYỄN XUÂN BẢO\* - ĐÌNH KHẮC THUÂN\*\*

**Tóm tắt:** Sau khi thay thế nhà Lê, nhà Mạc duy trì Nho học để ổn định xã hội và củng cố quyền lực. Nhà Mạc tổ chức các kỳ thi cử, phát triển đội ngũ Nho sĩ trung thành. Họ chú trọng giáo dục và xây dựng hệ thống gia huấn, tạo nền tảng vững chắc cho xã hội và gia đình. Phật giáo phát triển mạnh dưới triều Mạc, được hoàng tộc và quan lại tôn sùng, đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện. Các ngôi chùa được tu bổ và xây dựng, đặc biệt ở các vùng đất quan trọng. Sự khoan dung tôn giáo của triều Mạc đã giúp Phật giáo phát triển. Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, đặc biệt thờ Mẫu và Quan Âm cũng phát triển. Các ngôi đình làng kết hợp tôn giáo và văn hóa xuất hiện nhiều hơn. Nho gia đóng vai trò quan trọng trong việc văn bản hóa tín ngưỡng và tập tục. Sự hòa quyện giữa Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo và tín ngưỡng bản địa tạo nên một nền tảng tôn giáo đa dạng, phản ánh sự cởi mở và phát triển của xã hội thời Mạc.

**Từ khóa:** thời nhà Mạc, tôn giáo, văn hóa thời nhà Mạc, đời sống tôn giáo.

**Abstract:** After replacing the Le dynasty, the Mac dynasty maintained Confucianism to stabilize society and consolidate power. The Mac dynasty organized civil service exams and developed a loyal group of Confucian scholars. They emphasized education and established a family-oriented system, creating a solid foundation for society and families. Buddhism flourished under the Mac dynasty, receiving admiration from the royal family and officials and contributing to charitable activities. Temples were renovated and built, particularly in important regions. The Mac dynasty's religious tolerance helped Buddhism thrive. Taoism and folk beliefs, especially the worship of Mother Goddess and Avalokiteshvara, also developed. Village communal halls, combining religion and culture, appeared more frequently. Confucian scholars played a crucial role in documenting beliefs and customs. The blending of Confucianism, Taoism, Buddhism, and indigenous beliefs created a diverse religious foundation, reflecting the openness and development of society during the Mac period.

**Keywords:** Mac dynasty, religion, Mac dynasty culture, religious life.

## 1. Duy trì Nho học

Sau khi thay thế nhà Lê, để trấn an tầng lớp tri thức và quan lại, cũng như thần dân của triều Lê cũ, nhà Mạc chủ trương duy trì theo thể lệ nhà Lê, như sử liệu đã ghi: “Đặng Dung sợ lòng người nhớ vua cũ, có thể sẽ sinh biến, bèn phải tuân theo pháp độ triều Lê” (1). Hơn nữa, để duy trì bộ máy chính quyền và trật tự xã hội, không có cách nào khác, triều đình nhà Mạc và cả nhà Lê Trung hưng đều phải dựa vào Nho giáo, nhất là duy trì thể lệ giáo dục khoa cử Nho học. Nhờ đó mà đã tạo ra một tầng lớp tri thức hữu ích với đất nước. Khác với tri thức ở Trung Quốc trong các thời kỳ lịch sử mà phần lớn tập trung ở đô thị, tri thức Việt Nam, trong đó có tri thức thời Mạc thường gắn bó nhiều hơn với làng xã. Nói đến tri thức Việt Nam TK XVI, là chủ yếu nói đến tầng lớp Nho sĩ, những người phải

“dùi mài kinh sử” theo sách vở Khổng Mạnh để đỗ đạt, làm quan.

Trong 65 năm tồn tại với tư cách là một vương triều, nhà Mạc đã tổ chức được 22 kỳ thi Hội, lấy đỗ 484 Tiến sĩ, trong đó, có 11 Trạng nguyên (2) và còn biết bao nho sinh chưa thành danh tôn sùng thánh hiền, trân trọng nhân tài, như nhận xét sau đây trong bài văn bia Tiến sĩ đầu tiên của vương triều này: “...Vâng mệnh Hoàng đế, để chúc mừng nền Nho học, bèn tôi xin kính cẩn chấp tay cúi đầu mà dâng lời rằng: đạo trời hòa hợp thì hào kiệt trong thiên hạ được sinh ra, vua hưng thịnh thì hào kiệt trong thiên hạ được thu dùng. Thời buổi vua hiền tôi giỏi, cơ hội trên dưới theo không phải là ngẫu nhiên vậy. Những kẻ sĩ hào kiệt đều do khoa cử mà ra. Ngày xưa nhà Ngu hỏi các quan mà dùng người thì cái nghĩa tốt của khoa mục đã bắt đầu, nhà Thành

Chu tìm tài mà cất nhắc thì phép tắc hay của khoa mục đã hình thành. Về sau đến các đời Hán, Đường, Tống cùng nước Đại Việt ta, vua hiền đức kế tiếp nhau trị vì đều lấy khoa mục làm bậc thang cho hào kiệt tiến lên. Kính nghĩ, Thánh thiên tử là người thông minh hơn đời, mở mang việc tốt cho nước. Dùng võ công mà định đoạt thiên hạ, dùng văn giáo mà rèn luyện nhân tài, sửa trường học để mở rộng nền giáo dục, ban học quy để cổ vũ lòng hăng hái. Nhân văn được trau dồi, thi cử được đổi mới. Phàm những điều lệ về thi cử, ban ấn vinh theo cấp bậc, so với thời xưa đều rõ ràng và đầy đủ hơn nhiều. Kẻ sĩ gặp gỡ thánh triều được hấp thụ nền giáo hóa tốt đẹp mới, được thi đậu, tiến lên con đường vẻ vang, lại khắc tên vào bia đá, há không phải là vinh hạnh lắm ru! Vậy nên cảm phục đức lớn, gắng gỏi tiến lên, lấy trung thành làm nếp, lấy lễ nghĩa làm khuôn; tâm thuật phải ngay thẳng, làm nên sự nghiệp to lớn và lâu dài...” (3).

Đây có thể coi là lời tuyên ngôn của nhà Mạc về chính sách giáo dục và sử dụng hiền tài, nhằm thiết lập một tầng lớp tri thức trung thành với họ. Với chính sách này, nhà Mạc đã thực sự có được một đội ngũ Nho sĩ khá đông đảo. Trong số đó, có khá nhiều nhân tài, mà Nguyễn Bình Khiêm, Giáp Hải là tiêu biểu.

Nguyễn Bình Khiêm (阮秉謙, 1491-1585), tự là Hanh Phủ (亨甫), hiệu là Bạch Vân cư sĩ, được các môn sinh tôn là Tuyết Giang phu tử, là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất của lịch sử cũng như văn hóa Việt Nam trong TK XVI. Sau khi đỗ Trạng nguyên năm Ất Mùi (1535), ông làm quan triều Mạc, nhưng chỉ sau 8 năm làm quan, năm 1542 ông xin về quê trí sĩ. Mặc dù về hưu, nhưng nhà Mạc vẫn cho người đến thăng chức và tham vấn việc triều chính, bàn quốc sự. Vua Mạc tôn kính ông như bậc quân sư. Những việc trọng đại, nhà vua thường sai sứ giả về hỏi.

Lúc nhà Mạc sắp mất cũng sai người đến hỏi ông, ông khuyên vua tâu nhà Mạc “Cao Bằng tuy thiêu, khả diên sở thế” (tức Cao Bằng tuy nhỏ, nhưng có thể kéo dài vài đời). Nhà Mạc theo lời ông và giữ được đất Cao Bằng gần 70 năm nữa. Khi Nguyễn Thiến bỏ vào theo nhà Lê, ông đã viết thư gửi Nguyễn Thiến quay về với nhà Mạc, trong đó có câu được dịch là “Vận khí xoay vần tan có hợp, Trường Giang khôn chặn hướng về Đông?”. Nguyễn Thiến ăn năn, chưa kịp quay về thì đã mất ở Thanh Hóa.

Tuy nhiên, sau đó các con ông, trong đó, có Nguyễn Quyện đã trở lại với nhà Mạc và trở thành vị tướng tài phù giúp nhà Mạc.

Giáp Hải (甲海, 1517-1586), sau đổi tên là Giáp Trung, hiệu Tiết Trai, người làng Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh), còn gọi là Trạng Kế. Ông đỗ Trạng nguyên năm Đại Chính thứ 9, Mậu Tuất (1538), đời Mạc Thái Tông, làm quan đến chức Thượng thư bộ Lại kiêm Đông các Đại học sĩ, Nhập thị Kinh diên, tước Kế Khê bá, sau thăng Luân Quận công. Năm 1566, ông đi đón Lê Quang Bí đi sứ nhà Minh trở về. Ông được cử hội đàm với nhà Minh về biên giới. Ông sáng tác nhiều, đặc biệt có tác phẩm **Bang giao bị lãm**, viết về hoạt động bang giao đương thời. Rất tiếc sách này nay không còn, duy còn lại một số bài thơ đối đáp với sứ giả phương Bắc. Trong đó tiêu biểu là bài **Vịnh Bèo**, họa lại sứ giả nhà Minh với lời lẽ hết sức cứng rắn, khiến sứ giả phải khâm phục. Giáp Hải mất năm 1586, sắc phong là Sách Quốc công, được táng tại quê nhà làng Dĩnh Kế.

Ngoài ra, nhà Mạc có biết bao nhân tài trung thành với họ, như Lê Quang Bí đi sứ nhà Minh 18 năm liền, Mạc Ngọc Liễn, Nguyễn Quyện là các tướng quân hết mực tài ba và khí phách. Họ thà chấp nhận cái chết, chứ không muốn nhờ viện binh ngoại bang mà mang tai họa cho dân và cũng chỉ thờ một vua, chứ không thể hai lòng, như lời trăng trối trước khi nhắm mắt của Đà Quận công Mạc Ngọc Liễn sau đây: “Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là số trời. Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại nỡ thế. Bọn ta nên tránh ra ở nước khác, chứa nuôi uy sức, chịu khuất đợi thời, xem khi nào mệnh trời trở lại mới có thể làm được (...). Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải làm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng” (4).

Tuy nhiên, trong thực tế cũng có người bỏ nhà Lê sang nhà Mạc và ngược lại có người bỏ nhà Mạc về với nhà Lê. Ngoài ra là một số Nho sĩ khác không đi theo nhà Lê, cũng không đi theo nhà Mạc. Họ muốn có một cuộc sống ẩn dật nhuộm màu Lão Trang hơn là theo chuẩn mực đạo đức “tu, tề, trị, bình” của Nho giáo.

Chính là do Nho giáo ở TK XVI, ngày càng mất dần vị trí độc tôn của nó trong đời sống dân gian,

trong khi đó thì đạo Phật và đạo Lão được hưng thịnh trở lại như trình bày ở trên, đáp ứng phần nào bế tắc trong cách ứng xử thế tục. Nhiều Nho sĩ muốn được thỏa chí tự tại với cuộc sống đời thường hơn là ở quan trường. Họ giao du sông núi, sáng tác thơ văn và đã để lại nhiều tác phẩm văn học hết sức giá trị. Đó là các tác phẩm của Hoàng Trùng, Lê Đức Mao (1462-1529), Nguyễn Dữ, Nguyễn Hàng. Trong đó, ***Truyền kỳ mạn lục*** của Nguyễn Dữ (5) từng được coi là “thiên cổ tùy bút” (tác phẩm hay của ngàn đời), là một tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Hán sớm nhất về các đề tài trong đời sống dân dã nhằm lên án tội ác của các tầng lớp thống trị đối với người dân, đồng thời ngợi ca phẩm chất và tâm hồn cao đẹp của con người luôn vươn tới điều thiện.

Vì lẽ đó, trong thời kỳ nhà Mạc ngày càng có nhiều trí thức Nho học trở về sống ở làng xã. Bài văn bia của Hội Tư văn huyện Tân Minh (nay là thành phố Hải Phòng) cho biết năm 1574, có tới 180 thành viên là những Nho học tham gia Hội Tư văn này (*Văn bia thời Mạc*, 167). Các Nho sĩ đã tham gia vào mọi hoạt động của địa phương như công đức xây dựng, tu bổ các công trình tôn giáo, cũng như các hoạt động tín ngưỡng và văn hóa mà văn bia đã phản ánh khá cụ thể. Ngoài ra họ còn trực tiếp tham gia vào việc quản lý làng xã, bởi họ là những “quan viên” trong hội đồng kỳ mục ở làng xã. Các vị này thường được ghi trong văn bia từ TK XV, XVI về sau là “Quan viên, hương lão, xã thôn trưởng cự tiểu đẳng...” (6). Cùng với các trí thức Nho học khác là những người nghỉ hưu, người chưa đỗ đạt, hoặc những ông đồ, thầy lang, thầy cúng... họ góp phần tạo dựng lên một tầng lớp trí thức ở địa phương, kéo theo các lễ nghi, tập tục sinh hoạt theo điển lệ Nho gia.

Những phép tắc, đạo lý Nho gia đó còn thấm nhuần trong các dòng họ, các gia đình, nhất là những tộc họ lớn nhằm giáo dục, răn dạy mọi thành viên trong gia đình, nhất là con cháu. Các phép tắc này được soạn thành những câu ca, nên gọi là *Gia huấn ca*. Hiện nay chúng ta biết đến sách ***Bảo kính cảnh giới*** (寶鏡警戒), mà tác giả được cho là Nguyễn Trãi (1380-1442) (7), có thể coi là bản gia huấn có niên đại sớm nhất. Thời Mạc cũng đã xuất hiện bản gia huấn của họ Ngô, có tên là ***Ngô công huấn tử văn*** (吳公訓子文) do Ngô Duy Viên (1527-?) biên soạn (8).

Từ trong gia đình, mọi nề nếp, gia phong, điều lệ được các Nho gia châm chước điển lệ Nho giáo mà cụ thể hóa và gọt giũa nhằm răn dạy, lưu truyền đời này sang đời khác.

Chính vì thế mà từ trong gia đình đến làng xã đều ảnh hưởng sâu sắc khuôn phép Nho gia về tư tưởng trường quyền, tộc quyền, phụ quyền và nam quyền. Ngay cả những làng được vua ban biển “Mỹ tục khả phong 美俗可風” (Những tục lệ tốt đẹp đáng được khen) cũng là theo tiêu chí mỹ tục của Nho gia.

## 2. Tu tập Phật giáo

So với triều Lê sơ, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng dưới triều Mạc có phần phong phú, đa diện hơn mà cởi mở hơn. Triều Mạc, mặc dù dựa vào Nho giáo để trị quốc, nhưng vẫn cho phép các tín ngưỡng, tôn giáo khác phát triển, nhất là Phật giáo. Nhờ chính sách khoan dung tôn giáo của triều Mạc, đạo Phật đã từng bị hạn chế dưới triều Lê sơ, nay có điều kiện để phục hưng, phát triển cả trong tầng lớp quý tộc lẫn trong quần chúng bình dân làng xã.

Dưới thời Mạc, nhiều ngôi chùa ở kinh đô Thăng Long được tu sửa, tồn tại, bên cạnh các chùa khác như Phật Tích, Vĩnh Nghiêm, Luy Lâu thuộc Kinh Bắc cũng được trùng tu. Đặc biệt, trên địa bàn Hải Dương hay xứ Đông (bao gồm cả vùng đất phía Đông Thăng Long từ Hải Dương (trước đây), Hải Phòng đến Quảng Ninh và một phần của Hưng Yên) vốn là đất căn bản của nhà Mạc, các chùa Quỳnh Lâm, Sùng Quang, Đông Sơn... được tu bổ lại to lớn, đẹp đẽ hơn. Chùa Phật không chỉ được xây dựng khôi phục ở khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ mà còn mở rộng đến vùng biên viễn. Đó là các ngôi chùa được tạo dựng ở Tuyên Quang (chùa Hương Nham) do gia đình các quan lại của triều đình nhà Mạc được sai phái đến đây trấn giữ vùng biên viễn đứng ra xây dựng, phụng thờ.

Sở dĩ chùa Phật được tu tạo, xây dựng nhiều như vậy, là do có sự tôn sùng và gửi gắm niềm tin lớn lao vào Phật giáo, thúc đẩy hoạt động Phật giáo. Các hoạt động Phật giáo diễn ra với mọi tầng lớp xã hội, trong đó tiêu biểu lại là thành viên trong Hoàng tộc. Đó là bà Thái hoàng Thái hậu Vũ, các thân vương và quan lại trong triều. Họ chăm chỉ thờ Phật và thể hiện niềm tin Phật giáo của mình thông qua những việc thiện.

Cụ thể là bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ đã bỏ tiền của, ruộng đất gia tư để làm việc thiện. Bà đã

cúng cả thầy trên dưới 30 mẫu ruộng và 6.000 lá vàng, cùng không biết bao nhiêu bạc, tiền cho trên chục ngôi chùa ở khu vực Dương Kinh và vùng phụ cận. Số liệu này được văn bia ghi lại chưa hoàn toàn phản ánh đầy đủ, song bà quả là một người đã dốc toàn tâm toàn ý cho công cuộc trung hưng chùa Phật thời kỳ này. Bà từng được dân gian tôn xưng là “mẫu nghi thiên hạ, là vị Phật sống trên trần gian”. Bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ xem như một biểu tượng của người phúc thiện, đáng được muôn đời ghi nhớ.

Bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ, cùng đông đảo thành viên trong Hoàng tộc tham gia các hoạt động Phật giáo đã làm tăng thêm niềm tin Phật giáo không chỉ với cá nhân mà có tác động sâu rộng với cộng đồng. Tài liệu thư tịch và bi ký không cho thấy các thành viên trong Hoàng tộc nhà Mạc và cộng đồng tham gia tu tập Phật giáo, trong đó tiêu biểu là bà Thái hoàng Thái hậu họ Vũ xuất gia trở thành tu sĩ Phật giáo. Do đó, họ chỉ có thể được gọi là Phật tử. Phật tử dưới thời nhà Mạc khá nhiều, xuất hiện ở mọi tầng lớp xã hội luôn thể hiện niềm tin Phật giáo thông qua những việc thiện.

Đó cũng là niềm tin Phật giáo của hoàng tộc nhà Mạc và mọi tầng lớp xã hội đương thời. Vì thế, tu tập Phật giáo vừa là thực hành thuần túy Phật giáo vừa là thực hành có tính định hướng cho xã hội. Triều đình và quan lại dựa vào tư tưởng Nho gia để duy trì trật tự xã hội và quản lý đất nước, nhưng đã gửi gắm niềm tin ở Phật giáo. Không chỉ với nhà Mạc (Bắc triều) mà cả với nhà Lê (Nam triều) khi sai phái quan chức trấn giữ, họ đã bỏ tiền của xây dựng chùa phụng thờ, như chùa Gia Hưng (thuộc Hà Tĩnh ngày nay) được dựng năm Quang Hưng thứ 11 (1588) đời Vua Lê Thế Tông.

### 3. Hoạt động Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian

Bên cạnh Nho giáo và Phật giáo, Đạo giáo TK XVI vốn gần gũi với Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, cũng khá phát triển. Tín ngưỡng Quan âm mà hiện thân là công chúa Diệu Thiện khá phổ biến ở thời Mạc, cùng với sự xuất hiện tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh, có nhiều nét tương tự với Đạo giáo. Có một số chùa Tam giáo, nhiều chùa ngoài thờ tượng Phật còn thờ cả các tượng thuộc Đạo giáo như Ngọc Hoàng Thượng đế, Nam Tào Bắc Đẩu, ông hoàng bà chúa.

Tư tưởng Lão - Trang cũng đã thấm thấu và để lại dấu tích trong trước tác của một số trí thức nho sĩ thời Mạc. Đạo Nho của Nguyễn Bình Khiêm đã pha trộn khá đậm sắc màu của Đạo, Thích với những lẽ về biến dịch, sắc, không, hành xử ẩn dật tiêu dao. Học trò của ông là Nguyễn Dữ, sớm từ quan về ở ẩn, tác giả sách *Truyện kỳ mạn lục* nổi tiếng cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng của Đạo gia với những truyện về tiên thánh, hồn ma, như các truyện về Từ Thức, Phạm Tử Hư, Hà Nhân ở trại cây (9)...

TK XVI, tại các khu vực phụ cận Kinh đô Thăng Long, lần đầu tiên ở làng xã xuất hiện các ngôi đình gắn với tín ngưỡng Thành hoàng làng. Đó là đình Thụy Phiêu (huyện Ba Vì, Hà Nội, năm 1531), đình Lỗ Hạnh (Hiệp Hòa, Bắc Giang, năm 1576), đình La Phù (huyện Thường Tín, Hà Nội, năm 1579), trong đó, nổi tiếng nhất là đình Tây Đằng (huyện Ba Vì, Hà Nội, năm 1583). Ở các ngôi đình này đã có sự kết hợp hài hòa chức năng tôn giáo (thờ thần, cúng lễ) với chức năng văn hóa (hội hè, nơi tổ chức các trò vui dân gian). Việc biên soạn Thần tích Thần thành hoàng cũng được khởi xướng từ TK XVI, nhưng không phải ở vùng đất nhà Mạc, mà là ở vùng đất nhà Lê, do triều đình nhà Lê sai soạn. Những bản Thần tích do Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) dưới đời Vua Lê Anh Tông.

Trong làng xóm, các Nho gia cũng là người văn bản hóa những tập tục, quy ước để định hình thành các lệ làng, đồng thời còn tham gia văn bản hóa lai lịch sự tích Thần làng. Những hoạt động này được phổ biến rộng rãi hơn cả là từ TK XVI. Vì vậy, Nho sĩ có vai trò rất lớn trong các hoạt động tín ngưỡng và văn hóa, xã hội làng xã từ thời kỳ này.

Nhìn đại thể trong TK XVI, nhờ hệ tư tưởng cởi mở và sự phát triển kinh tế công thương mà Phật giáo và Đạo giáo được hưng thịnh. Đạo Khổng vẫn được coi trọng để duy trì trật tự xã hội và thể chế chính trị, nhưng không chiếm ưu thế độc tôn. Cả ba đạo này cùng đồng thời tồn tại, cùng có xu hướng hòa đồng trong thực hành tôn giáo, hình thành tín ngưỡng dân gian mang tính chất tổng hợp mà đỉnh cao là sự xuất hiện đạo Cao Đài (10) về sau này.

Cũng từ TK XVI, Thiên Chúa giáo lần đầu tiên được du nhập vào Việt Nam (năm 1533), ban đầu ở

vùng đất nhà Mạc cai quản (Trực Ninh, Nam Định), sau đó là ở vùng Thanh Hóa do nhà Lê cai quản. Tuy bị ngăn cấm, nhưng đã có nhiều người theo đạo, trong đó có cả công chúa nhà Lê là Mai Hoa.

Như vậy, đời sống tôn giáo, tín ngưỡng TK XVI mặc dù vô cùng phức tạp do biến đổi thời cuộc và chiến tranh, cùng sự xâm nhập ngày càng sâu rộng của các tôn giáo, tín ngưỡng ngoại lai, song vẫn duy trì được nền tảng tư tưởng và tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống với sự cởi mở, đa dạng hơn. Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo vẫn đồng hành, nhưng có xu hướng hòa đồng rõ rệt hơn so với thời Lê sơ khi Nho giáo là độc tôn. Tín ngưỡng dân gian, mà cụ thể là tín ngưỡng Thành hoàng làng và tín ngưỡng thờ mẫu xuất hiện ngày càng phổ biến dưới thời Mạc. Điều đó được phản ánh qua hàng loạt ngôi chùa Phật, quán đạo được xây dựng, trùng tu; nhiều ngôi đình gắn với thờ cúng Thành hoàng xuất hiện, cùng hệ thống bi ký ghi chép về các hoạt động đó ở làng xã mà ngày nay còn được lưu giữ khá nhiều và phong phú.

#### 4. Kết luận

Các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng truyền thống tiêu biểu là Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, cùng các tín ngưỡng Thành hoàng làng, thờ cúng tổ tiên được duy trì dưới thời nhà Mạc. Tuy nhiên đã có những biến đổi nhất định, bởi những biến động về chính trị, kinh tế đương thời. Nho giáo từng bước bị suy thoái. Phật giáo có điều kiện khôi phục và phát triển trở lại. Đạo giáo được duy trì, song có hướng hòa nhập với Phật giáo, nên phần lớn các quán đạo thời Mạc đều mang tên chùa như Hội Linh quán (Thanh Oai, Hà Nội) được dân gian gọi là chùa Sở, quán Linh Tiên (Đan Phượng, Hà Nội) được gọi là chùa Linh Tiên... Tín ngưỡng truyền thống mà trước hết là thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng Thành hoàng được coi trọng trong xã hội thời Mạc và thời Lê. Con người coi trọng tâm linh hơn là vật chất, nên khi có tiền, có của, họ sẵn sàng bỏ hết vào việc xây dựng chùa, miếu, từ đường để thờ Phật, thờ Thần và phụng thờ tổ tiên. Nhờ đó mà có nhiều công trình kiến trúc như đình, chùa, lăng mộ, nhà thờ dòng họ được xây dựng khá quy mô. Đồng thời xuất hiện không ít các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống để lại đến ngày nay một di sản văn hóa vô cùng to lớn và quý giá (11) ■

N.X.B-Đ.K.T

1. Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1978, tr.266.

2. Đinh Khắc Thuân, *Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 2012, tr.244.

3. Bia *Minh Đức tam niên đề danh ký*, khắc năm Minh Đức 3 (1529), trong: *Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam*, 2012, tr.255. Xem thêm: Trần Hàm Tấn, “*Etude sur le Văn miếu de Hanoi*”, B’EFEO, Tom XLV, Fasc, 1, Hà Nội, 1951, tr.115.

4. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, Nxb Khoa học xã hội, 1998, tr.189.

5. Nguyễn Hữu Sơn, *Vương triều Mạc và văn chương thế kỷ XVI*, trong *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử*, Sở Văn hóa và Thông tin Hải Phòng, 1996, tr.196-197; Xem thêm: Nguyễn Dữ, *Truyện kỳ mạn lục*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1994, tr.13.

6. Trên các văn bia TK XVII, XVIII, thành phần này được mở rộng hơn nhiều, bao gồm “Quan viên, hương lão, Tư văn, Xã thôn trưởng, Trung nam”. Vì thế, số lượng những người này cũng rất đông, như ở làng Phù Ninh (Gia Lâm, Hà Nội) năm 1719, có 80 vị. Xem Đinh Khắc Thuân, *Văn bia làng Nành qua tư liệu văn bia*, Tạp chí Hán Nôm, số 4, 1998, tr.38.

7. Phan Đại Doãn (chủ biên), *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tr.175.

8. Trần Nghĩa, F. Gros, *Di sản Hán Nôm Việt Nam Thư mục đề yếu*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, 1994, tr.365.

9. Xem thêm: *Tổng tập văn học Việt Nam trọn bộ 42 tập*, tập 5, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.33.

10. Đạo Cao Đài “Đại đạo tam kỳ phổ độ” 大道三期普度 thành lập năm 1920. Xem: Lê Anh Dũng, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiền ẩn, 1920-1926*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1996.

11. Bài viết được tác giả thực hiện trong khuôn khổ Nhiệm vụ Khoa học Công nghệ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội Mã số QG.23.80 “Nghiên cứu đặc trưng văn hóa thời nhà Mạc qua tương quan Tam giáo và việc phát huy giá trị của nó trong bối cảnh hội nhập đa văn hóa hiện nay” do PGS,TS Dương Thị Thu Hà làm chủ nhiệm đề tài.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 17-5-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 18-6-2025; Ngày duyệt đăng: 27-6-2025.